

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh.

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, đến nay chúng ta có thể tự hào rằng Nhựa, Bao bì Vinh là một trong những nhà sản xuất bao bì nhựa uy tín trên thị trường Việt Nam hiện nay. Thành công đó đến từ những giá trị cốt lõi cốt lõi mà chúng ta luôn đi theo từ những ngày đầu thành lập. Đó chính là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, chú trọng cải tiến sản phẩm và hơn hết phươg châm luôn lấy khách hàng làm trung tâm đã giúp Công ty lớn mạnh như ngày hôm nay.

Thư Quý vị

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, thời tiết cực đoan,... Đặc biệt, phải chịu ảnh hưởng lớn từ suy thoái kinh tế toàn cầu, tác động tiêu cực của cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát. Năm 2023, mặc dầu trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường nhưng Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt 5,05%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế

giới năm 2023. Chỉ số giá tiêu dùng cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm 2022. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 683 tỷ USD cho cả năm 2023; tuy nhiên cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư kỷ lục ước đạt 28 tỷ USD, gấp 2,3 lần năm 2022.

Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đều đối mặt với không ít những thách thức điển hình như đứt gãy chuỗi cung ứng trong kinh doanh, khó khăn mới, hạn chế triển khai được kế hoạch bán hàng và đảm bảo an toàn nơi làm việc trong năm vừa qua. Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này nhưng với sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh được duy trì ở con số ấn tượng trong một năm đầy sóng gió. Doanh thu thuần năm 2023 đạt gần 874,80 tỷ

đồng, lợi nhuận sau thuế đạt tỷ đồng. Trong tình hình đó, toàn thể ban lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên công nhân của công ty đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để vượt qua những khó khăn, thách thức nắm bắt được những thuận lợi của thị trường để gia tăng sản lượng, đầu tư thêm các máy móc thiết bị. Tầm nhìn của công ty trong thời gian tới đó là phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về sản xuất bao bì. Để làm được điều này, chúng ta phải luôn cố gắng nỗ lực không ngừng trong từng yếu tố như: con người, máy móc thiết bị và lấy con người làm trung tâm trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất. Người lao động quyết định chất lượng, người lao động cũng chính là nhân tố quyết định khách hàng. Do đó công ty không ngừng có các chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề và hỗ trợ trong những giai đoạn khó khăn như năm vừa qua.

Bước sang năm 2024, nền kinh tế toàn cầu mặc dù sẽ

gặp những khó khăn, biến động lớn nhưng kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo sẽ phục hồi và tăng trưởng. World Bank dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 ở mức 5,5%. Tầm nhìn tổng quan của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA) cho ngành công nghiệp nhựa Việt Nam trong năm 2024 vẫn khá tích cực, với dự kiến tốc độ tăng trưởng dao động khoảng từ 5-7%. Các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia đều bao gồm các đối tác quan trọng với ngành nhựa Việt Nam cả về nguyên liệu nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu. Sau khi EVFTA đi vào

hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ. Đây sẽ là một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam với một thị trường quan trọng là EU.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ

đồng, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hy vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Hữu Sơn

MỤC LỤC

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Một số chỉ tiêu chính
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá của BGD về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Phương hướng phát triển năm 2024

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	989.72	914.98	1026.87	995.45	874.80
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	901.70	829.83	940.40	901.90	788.08
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	88.02	85.16	86.47	92.61	86.45
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28.47	27.67	28.11	27.26	28.06
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	502.68	423.29	434.04	459.48	388.16
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	125.45	133.48	142.22	150.18	157.80
Nợ phải trả	Tỷ đồng	377.20	289.80	291.83	309.29	230.35
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE)		24.01%	21.37%	20.39%	18,65%	17,79%
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)		5.76%	5.98%	6.56%	6,10%	7,23%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960	7,499,960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	2,975	2,584	2,625	2,886	3.566



TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

Phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về lĩnh vực sản xuất, cung cấp bao bì Nhựa và lọt vào top những doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa lớn nhất Việt Nam.

Mang đến những sản phẩm bao bì ngày càng chất lượng, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đặc thù của sản xuất bao bì đó là mặc dù các công ty có thể sử dụng thiết bị, công nghệ và vật tư để sản xuất bao bì được nhập ngoại từ nhiều nước khác nhau. Nhưng về cơ bản công nghệ làm vỏ bao là như nhau. Do đó, doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị để gia tăng sản lượng tiết kiệm thời gian, chi phí nhân công trong quá trình sản xuất.

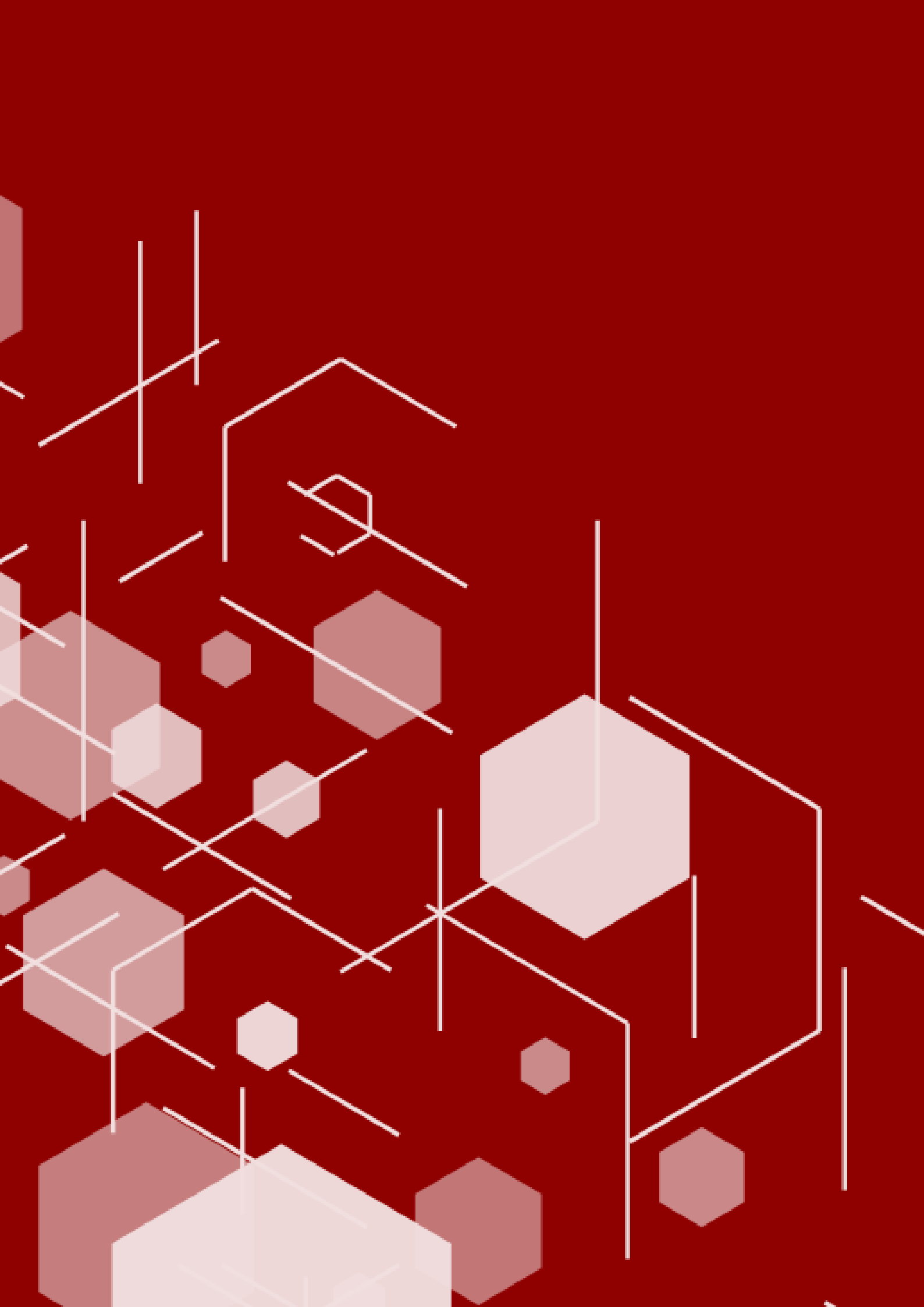
Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vinh luôn lấy chất lượng sản phẩm làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động kể từ khi hoạt động đến bây giờ.

TỔNG DOANH THU THUẦN NĂM 2023

875 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2023

28 Tỷ đồng



A.

THÔNG TIN CHUNG

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
3. Giới thiệu Ban lãnh đạo
4. Vị thế
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

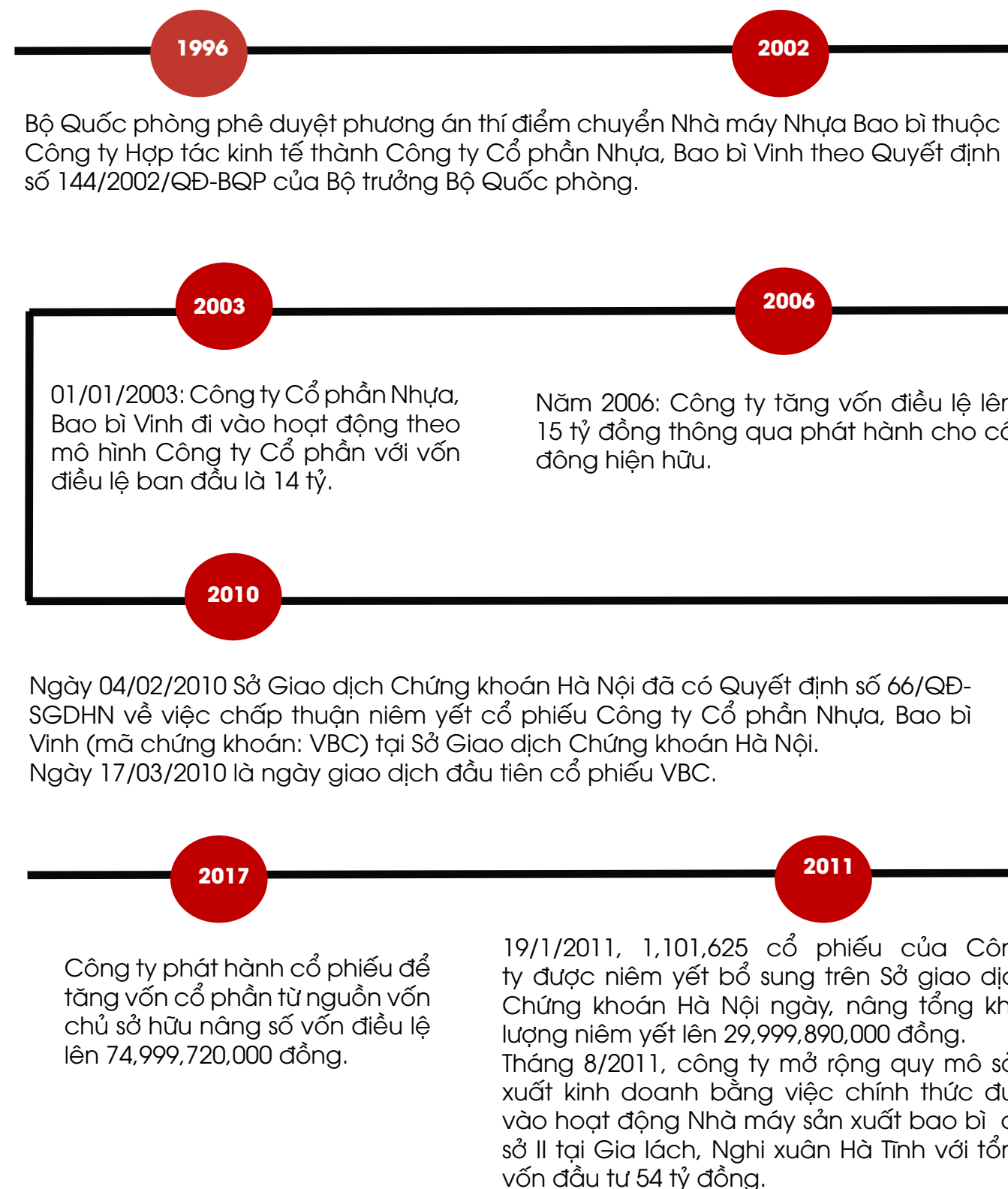
Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH
Tên tiếng Anh	VINH PLASTIC BAGS JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	Số 18, đường Phong Định Cảng, phường Bến Thủy, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại	0238 385 5524
Fax	0238 385 6007
Email	nhuabaobivinh@gmail.com
Website	www.nhuabaobivinh.com

MÃ CỔ PHIẾU	VỐN ĐIỀU LỆ	VỐN ĐẦU TƯ
VBC	74,999 tỷ đồng	150,17 tỷ đồng



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa Bao bì thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4, được thành lập theo quyết định số 1531/QĐ/QP ngày 31 tháng 8 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.



1. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Các sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính

Nhóm sản phẩm bao bì các loại

- Bao bì xi măng, bao kp, pk:

Vỏ bao kp, kpk là loại sản phẩm bao đóng xi măng có trọng lượng 50 kg. Bao gồm 1 hoặc 2 lớp giấy Kraft và 1 lớp vải dệt bằng nhựa PP. Sản phẩm có độ bền cao và chống được ẩm, bảo quản tốt xi măng trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

- Bao bì PP:

Bao bì PP dệt đóng gói các sản phẩm đóng gói thức ăn chăn nuôi, nông sản, phân bón, bột đá... theo yêu cầu của khách hàng về thông số kỹ thuật và chất lượng.

- Bao bì OPP, BOPP:

Đa dạng kiểu dáng, màu sắc, hình ảnh là dạng túi PP dệt được ghép với màng BOPP.

- Bao bì PE:

Trong suốt, hơi có ánh mờ, có bề mặt bóng láng, mềm dẻo; Chống thấm nước và hơi nước tốt; Chống thấm khí O₂, CO₂, N₂ và dầu mỡ đều kém; Chịu được nhiệt độ cao (dưới 230o C) trong thời gian ngắn.

- Bao Jumbo, Sling (FIBC):

Vỏ bao Jumbo, Sling là loại bao đựng hàng có kích thước lớn, có thể đựng với khối lượng 1 tấn - 1,5 tấn - 2 tấn trong một vỏ bao, có khả năng chống ẩm, chịu lực lớn khi vận chuyển.

- Hạt nhựa PP:

Nhựa Polypropylene (PP), có tính bền cơ học cao, khá cứng, trong suốt, độ bóng bề mặt cao cho khả năng in ấn cao, nét in rõ. Ngoài ra có tính chất chống thấm O₂, hơi nước, dầu mỡ và các khí khác.

- Hạt nhựa HDPE, LDPE, LLDPE:

Polyetylen (tiếng Anh: polyethylene hay polyethene; viết tắt: PE), là một nhựa nhiệt dẻo (thermoplastic) được sử dụng rất phổ biến trên thế giới. Polyetylen là một hợp chất hữu cơ (poly) gồm nhiều nhóm etylen CH₂-CH₂ liên kết với nhau bằng các liên kết hydro no Polyetylen được điều chế bằng phản ứng trùng hợp các monome etylen (C₂H₄). Nhựa PE có ba nhóm quan trọng nhất là HDPE; LDPE; LLDPE

- Hạt nhựa tái sinh PP:

Đây là nhựa cũ được tái sinh ra loại sản phẩm nhựa khác. Nhựa thu gom lại sẽ được phân loại và tái chế riêng theo từng quy trình khác nhau để tạo ra hạt nhựa tái sinh.

Hạt nhựa tái sinh PP sau khi tái chế sẽ được dùng để dệt thành các bao bì nhựa với kích cỡ lớn

Nhóm sản phẩm các loại hạt

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với phương châm

- 1. Khách hàng quyết định sự thành công của Công ty
- 2. Chất lượng sản phẩm là nhân tố quyết định khách hàng
- 3. Người lao động quyết định hai nhân tố trên

Thực hiện tôn chỉ trên nên trong thời gian vừa qua sản phẩm của Công ty đã đứng vững và phát triển trong nước và thị trường Quốc tế

Thị trường trong nước

Hiện công ty là đơn vị cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng như: Xi măng Nghi Sơn; Xi măng Sông Gianh; Xi măng Bút Sơn; Xi măng Thành Thắng; Xi măng Hoàng Mai... với sản lượng từ 100 - 120 triệu vỏ bao xi măng/năm và 2.400.000 bao Jumbo, sling/ năm. Công ty hiện nay cũng đang cung cấp các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và bao phục vụ cho ngành nông nghiệp như: Đạm Ninh Bình; Phân bón Lâm Thao; Phân bón Bình Điền; Nhà máy đường Thạch Thành; Đường Quỳnh Hợp; Nhà máy bột sắn Thanh Chương, Công ty Xi măng Nghi sơn, Tập đoàn Xuân Thành, Tập đoàn Vissai, Tập đoàn Thành Thắng

Thị trường quốc tế:

Sản phẩm bao Jumbo; Sling; Bao PP; OPP; PK của Công ty đã có mặt tại thị trường New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Fiji, Singapore, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Cameroon... và được thị trường đánh giá cao về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ giao hàng.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Tại Việt Nam, VBC đang sở hữu 3 nhà máy sản xuất với công suất lớn và thường xuyên cải tiến để đáp ứng nhu cầu khách hàng

Nhà máy sản xuất bao PP, OPP: Công suất đạt 500 tấn SP/ tháng.

Nhà máy sản xuất bao KP; KPK: Công suất đạt 140.000.000 bao xi măng/1 năm.

Nhà máy sản xuất bao Jumbo, Sling): Công suất đạt 500 tấn SP/ tháng.

Quy trình sản xuất

- 1

Cung đoạn Tạo sợi
Từ nguyên liệu chính là hạt nhựa PP nguyên sinh, qua hệ thống thiết bị kéo thành sợi, sẽ được đun nóng chảy và kéo thành các cuộn sợi ,nhập kho bán thành phẩm và xuất sang dệt ở cung đoạn tiếp theo.
- 2

Cung đoạn tráng màng:
Từ nguyên liệu đầu vào là màng dệt, giấy Kraft, hạt tráng PP dùng máy tráng ép nóng chảy ở nhiệt độ cao cán ép nóng giấy dính vào manh dệt tạo thành manh tráng KP phức hợp hoặc manh tráng PP, cuộn lại thành những cuộn lớn nhập kho bán thành phẩm để chuyển sang sản xuất ở cung đoạn tiếp theo.
- 3

Cung đoạn Tạo ống bao:
Từ manh tráng ép KP phức hợp thêm 1 lớp giấy lót trong và hạt dán mép bao qua thiết bị máy tạo ống in ấn theo mẫu mã quy định của đơn hàng tạo thành ống bao xi măng nhập kho bán thành phẩm chuẩn bị cho cung đoạn sản xuất tiếp theo
- 4

Cung đoạn May hoàn thiện
Từ bán thành phẩm ống bao qua thiết bị may bao tạo thành các vỏ bao may hoàn chỉnh kết thúc quy trình sản xuất vỏ bao xi măng, nhập kho chờ đi xuất bán.

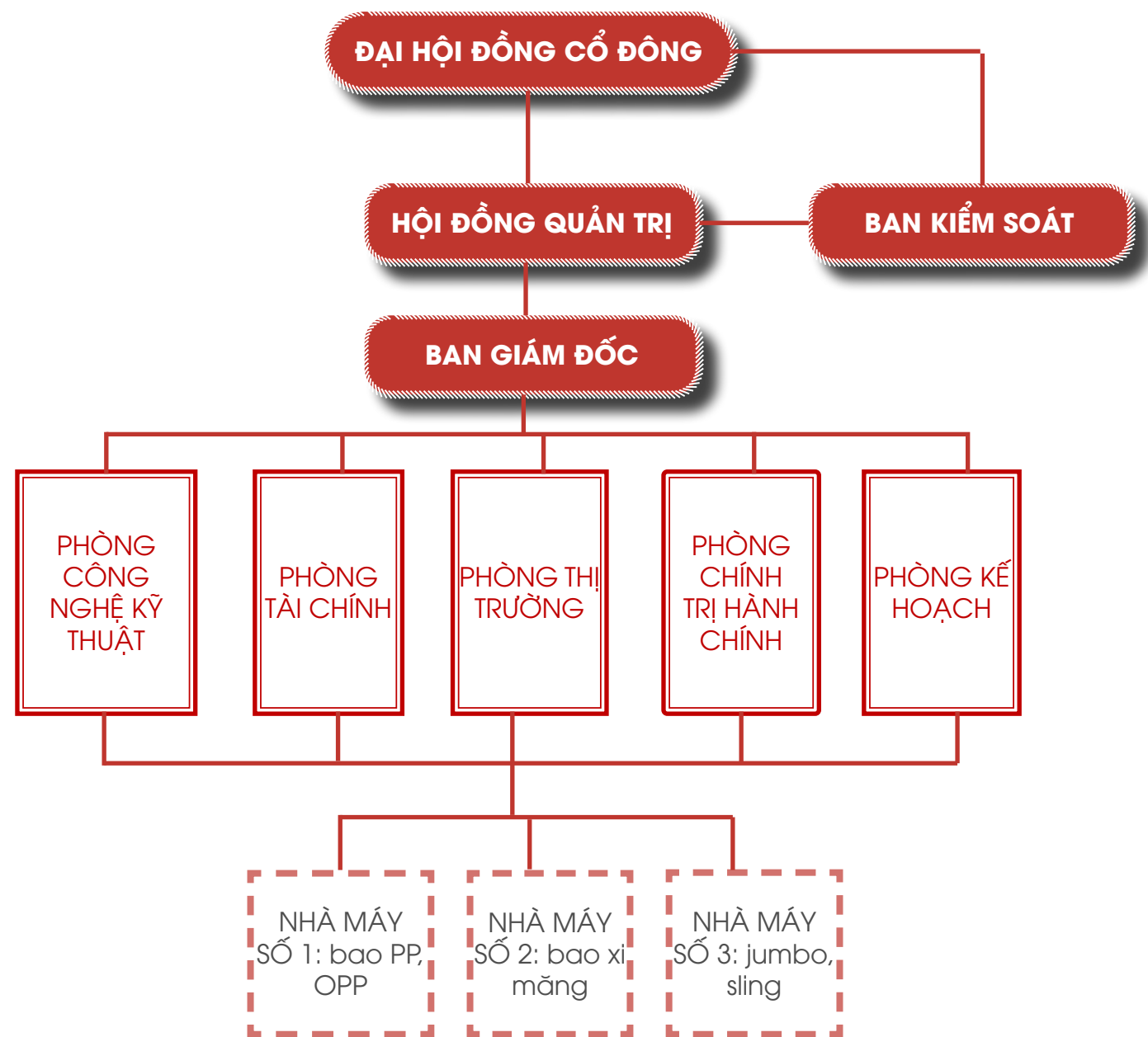
Kiểm tra chất lượng

Với phương châm Chính sách chất lượng của Công ty là: “Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo”. Chất lượng và giá bán hợp lý là yếu tố tiên quyết để khách hàng đến với Công ty. Luôn đáp ứng mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng phù hợp với yêu cầu của luật định, kể cả đáp ứng những yêu cầu thay đổi.

Trong quá trình sản xuất, với mục tiêu lấy chữ “Tín” làm đầu, coi trọng chất lượng và giá thành sản phẩm là yếu tố tiên quyết để phục vụ khách hàng. Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Chứng chỉ Halal xác nhận sản phẩm không có các chất cấm theo yêu cầu Shari’ah Isla-miah (Luật Hồi giáo) và đáp ứng yêu cầu về vệ sinh thực phẩm trong quá trình sản xuất và Chứng chỉ quản lý an toàn thực phẩm HACCP.



2. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm, phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty; tổ chức lại và giải thể công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty; HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đội ngũ lãnh đạo và quản trị điều hành công là những người có trình độ, tâm huyết vì sự phát triển của VBC

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do HĐQT lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Phòng thị trường

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, khai thác tìm kiếm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.

Phòng tài chính

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

Phòng kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và hai Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phó Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty.

Phòng Kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

Phòng Công nghệ kỹ thuật

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.

Phòng Chính trị - Hành chính

Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Ban Giám đốc, đồng thời là cơ quan trực tiếp triển khai thực hiện các mặt hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị; Công tác lao động, tiền lương, bảo hiểm và các chế độ chính sách khác cho người lao động. Công tác quân sự - tự vệ; công tác hành chính văn phòng; công tác hậu cần, bảo vệ; công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và công tác pháp chế trong Công ty.

3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Sơn - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1978
Quê quán: Cẩm Bình, Cẩm Xuyên,
Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác
07/1997 - 08/2002: Học viên Học viện Khoa học Quân sự
09/2002 - 07/2006: Đội trưởng TS Bộ Tham Mưu, Quân
đoàn 4
08/2006 - 01/2007: Học viên Trường Quân sự Quân đoàn 4
02/2007 - 05/2009: Chính trị viên C2 Bộ Tham Mưu, Quân
đoàn 4
06/2009 - 10/2016: Trợ lý ToC, CaB Phòng chính trị Tổng
Công ty Hợp tác kinh tế
11/2016 - 02/2020: Phó Giám đốc Xí nghiệp SXVLXD Hồng
Lam
03/2020 - 04/2023: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa
,bao bì Vinh
04/2023 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa,
bao bì Vinh

Ông Lê Xuân Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Năm sinh: 1978
Quê quán: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2002 - 2004: Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2005 - 2007: Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh
2007 - 2013: Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa, Bao Bì
Vinh
2013 - 2017: P. Giám đốc CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh
07/2017 - 03/2018: Giám đốc CTCP Nhựa, Bao Bì Vinh
2018 - nay: Giám đốc, Thành viên HĐQT CTCP Nhựa, Bao
bì Vinh

Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1986
Quê quán: Thái Nguyên
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2008 - 2010: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH E&Y Việt
Nam
2010 - 2019: Trưởng phòng Đầu tư/ Trưởng phòng phân
tích tại Công ty cổ phần chứng khoán SSI
2019 - 2020: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư phát triển
Công nghệ Điện tử - Viễn thông
2019 - nay: Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư tại Công ty
cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
03/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
03/2020 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần An
Tiến Industries
09/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu
công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1
11/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Khu công ng-
hiệp Kỹ thuật An Phát 1

Bà Phạm Nguyệt Minh - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980
Quê quán: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Thạc sỹ Quản trị kinh
doanh

Quá trình công tác
2003 - nay: Cán bộ Chăm sóc Khách hàng CTCP Nhựa An
Phát Xanh
2013 - 2018: Giám đốc Văn phòng đại diện tại Hà Nội CTCP
Nhựa An Phát Xanh
2016 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa, Bao bì Vinh

Ông Trương Đắc Thành - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

Năm sinh: 1987
Quê quán: Thành phố Vinh,
Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác
09/2005 - 10/2010: Học viên Trường Sĩ Quan Công Binh
01/2011 - 03/2017: Trợ lý kỹ thuật thi công Xí nghiệp XD
Coecco - Tổng Công ty HTKT
03/2017 - 06/2021: Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP
Khoáng sản Á Châu - Tổng Công ty HTKT
06/2021 - 10/2022: Trợ lý kế hoạch tổng hợp Phòng KH - TT/
Tổng Công ty HTKT
11/2022 - nay: Phó Giám đốc Công ty CP Nhựa, Bao bì
Vinh

Ông Phan Văn Toàn - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978
Quê quán: Quảng Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác
2002 - 2003: Kế toán tổng hợp CT Xây lắp - Tổng Công ty HTKT
2003 - 2016: Kế toán trưởng CT TNHH MTV khoáng sản COEC-
CO - Tổng Công ty HTKT
03/2017 - nay: Kế toán trưởng CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
03/2018 - 04/2023: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa, Bao bì Vinh

3. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Ông Trần Ngọc Sâm Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969
Quê quán: Thọ Xuân, Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân tài chính

Bà Nguyễn Minh Trang Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980
Quê quán: Hương Khê, Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam

Ông Đồng Thị Hà Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1982
Quê quán: Hải Dương
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Phạm Đỗ Huy Cường (*) Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983
Quê quán: Phú Thọ
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác
1997 - 2006: Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vĩnh
2007 - 2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào
2010 - 2011: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn
2012 - 2013: Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4
2014 - 2016: Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO
2017 - nay: Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa, Bao bì Vĩnh

Quá trình công tác
Trợ lý kế toán tổng hợp - Tổng công ty Hợp tác kinh tế
Trưởng BKS - công ty CP gạch ngói 30/4 (Công ty con của Tổng hợp tác kinh tế)

Quá trình công tác
2007 - 2008: Kế toán viên Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu Nam Tiến
2008 - 2009: Kế toán viên Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2009 - 2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất và Xuất khẩu Nam Tiến
2017 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vĩnh
2021 - nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát

Quá trình công tác
2005-2009: Nhân viên Tài chính Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam
2009-2013: Trưởng nhóm kế toán Công ty TNHH Ernst & Young
2013-2015: Trưởng ban Tài chính Kế toán CTCP Tập đoàn Đại Dương
2015-2017: Giám đốc Tài chính - Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2018-nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Tài chính
2019-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt
2021-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1
2021-nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vĩnh
2021-nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát

(*) Đã từ nhiệm ngày 18/04/2023

S

Mạng lưới khách hàng:

Hệ thống khách hàng của công ty trên khắp cả nước, có nhiều khách hàng đã gắn bó nhiều năm, một số doanh nghiệp ở thị trường trong nước như: CTCP Nhựa An Vinh, CTCP Xi măng Vicem Hoàng Mai, CTCP Xi măng Vicem Bút Sơn, CTCP Xi măng Sông Gianh,... Ngoài ra, công ty cung cấp vỏ bao KP, KPK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy sản xuất xi măng, các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy sản xuất phân bón, sản xuất đường và phục vụ cho ngành nông nghiệp. Sản phẩm bao Jumbo; sling, bao PP, OPP của doanh nghiệp hiện đã có mặt tại thị trường các nước: New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Nam Phi...

Đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm:

Nguồn nhân lực quản lý được đào tạo bài bản, trình độ Đại học trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm công tác. Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt, may... số lao động đó Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

Chất lượng sản phẩm

Mọi hoạt động của mình, Công ty luôn luôn lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ đặt lên hàng đầu. Với phương châm: "Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo", các sản phẩm của Công ty luôn luôn có được chất lượng cao và ổn định với giá bán hợp lý. Nhờ áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Tiềm năng phát triển:

Dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung do Các doanh nghiệp ngành nhựa bao bì chủ yếu tập trung tại miền Nam do miền Nam là nơi tập trung của các khu công nghiệp chế biến, đầu ra chủ yếu của ngành nhựa bao bì. Do đó, thị trường sản xuất bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

W

Nguyên vật liệu đầu vào phần lớn là nhập khẩu:

Nguyên vật liệu đầu vào của ngành nhựa bao bì là nhựa nguyên sinh, tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu

cầu, gần 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại nguyên liệu ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Dây chuyền, máy móc

Hiện tại, VBC chưa thể đầu tư thêm các loại máy móc chuyên dụng hiện đại của ngành sản xuất bao bì, điều này làm giảm sự đa dạng của sản phẩm nhựa bao bì đầu ra.

O

Trong năm 2023, giá hạt nhựa ổn định tạo lợi thế cho công ty phát triển thêm một số khách hàng trong và ngoài nước với giá bán cạnh tranh nhất.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của VBC là các công ty sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, các công ty thu mua và chế biến nông sản; các công ty sản xuất phân bón.

Các hiệp định tự do liên tục đã được đàm phán và ký kết, bắt đầu có hiệu lực sẽ tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn nguyên liệu từ các khu vực trên thế giới trong bối cảnh nguyên liệu sản xuất trong nước không thể đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ đồng thời có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU. Cung nguyên liệu nhựa trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh hơn.

Xu hướng sử dụng nhựa tái chế, sản phẩm nhựa có nguồn gốc sinh học. Chi phí nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của VBC, Hiệp hội nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%.

T

Để hạn chế sử dụng bao ni lông, hiện nay các sản phẩm bao ni lông tại Việt Nam hiện đang chịu thuế Bảo vệ môi trường 30.000 - 50.000 đồng/kg, và dự kiến sẽ nâng lên mức 40.000 - 200.000 đồng/kg, nhằm mục tiêu giảm dần việc sử dụng bao nilon khó phân hủy.

Phải chịu sức ép từ các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI đang có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp này còn có thể chịu lỗ từ 3 tới 5 năm để chiếm lĩnh thị trường, còn doanh nghiệp nội địa chỉ cần lỗ 1, 2 năm có khả năng phải đóng cửa.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, các loại "bao bì xanh" được ưa chuộng hơn để gia tăng thiện cảm với người tiêu dùng. Việc chuyển sang xu hướng tăng trưởng xanh, và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng sẽ tạo ra thách thức cho VBC

4. VỊ THẾ DOANH NGHIỆP

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh nên VBC có khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

Đã có trên 20 năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, sản phẩm của VBC đã tạo được vị thế trên thị trường, Công ty đã xây dựng một thương hiệu uy tín về chất lượng, phù hợp về giá thành, là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Ban lãnh đạo VBC có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dân đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị mới đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dân đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

“VBC luôn mong muốn là một doanh nghiệp sản xuất ổn định, tối ưu đồng thời cung cấp ra thị trường những sản phẩm bao bì nhựa chất lượng nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.”



6. CÁC RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế



Năm 2023, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thời giới phải đối mặt với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, thiên tai, biến đổi khí hậu, cuộc chiến Nga - Ukraine và một số xung đột trên thế giới tiếp tục đè nặng lên các hoạt động kinh tế. Mức tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% (riêng công nghiệp tăng 3,02%) và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,33%

Bước sang năm 2024, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng nền kinh tế của Việt Nam. Khả năng phục hồi của kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng. Trong nước, Quốc hội đã đề ra mục tiêu tăng trưởng năm 2024 đạt mức 6 -6,5% tạo động lực phát triển cho nền kinh tế. Tuy nhiên, để tránh được những rủi ro tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho Ban Điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động đến lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

Rủi ro về Pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động nguyên liệu đầu vào và giảm chi phí.

Rủi ro về Ngành

Do ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho rào cản gia nhập ngành ở mức thấp. Hiện có khoảng 1.353 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa bao bì. Bên cạnh đó, ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng vì vậy các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam nói chung và CTCP Nhựa Bao bì Vinh nói riêng có nguy cơ phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI đặc biệt là trong giai đoạn giá nguyên liệu nhựa đang ở mức tương đối thấp như hiện nay.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Điều này đòi hỏi VBC nói riêng và ngành Nhựa Việt Nam nói chung cần có những bước đi đột phá với những sản phẩm sáng tạo, bắt kịp xu hướng tiêu dùng luôn luôn thay đổi.

Mặt khác, ngành Nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị kiện bán phá giá. Hàng hóa Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác có nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản,...

Rủi ro về Tín dụng và Dòng tiền

Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.

Rủi ro về Nguyên liệu

Gần 85% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu: Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Tỷ giá tác động tới chi phí đầu vào: Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá “nhạy cảm” với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các doanh nghiệp nhựa.

Cạnh tranh trong ngành nhựa của Việt Nam ở mức cao. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam có rào cản gia nhập ngành tương đối thấp, thị trường phân mảnh nhất là đối với sản phẩm nhựa bao bì, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì lên đến 1.353 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không có quá nhiều khác biệt về mẫu mã cũng như chất lượng nên sức mạnh mẽ của khách hàng là cao.



Rủi ro về Tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá khi có sự biến động của tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng bất lợi đến (1) việc ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản, khoản vay hoặc các giao dịch có phát sinh bằng ngoại tệ cũng như ảnh hưởng bất lợi đến (2) dòng tiền tương lai phát sinh từ những khoản mục này. Hiện nay, rủi ro tỷ giá của Công ty phát sinh chủ yếu từ các nguồn thu ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu nguyên liệu ngành dược. Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty giao giám đốc Tài chính theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường, từ đó cân đối các khoản thu - chi bằng ngoại tệ hoặc sử dụng các công cụ tài chính thích hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.



B. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG** **TRONG NĂM**

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tổ chức và nhân sự**
- 3. Tình hình tài chính**

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thông tin về ngành

Nhựa là một trong những ngành công nghiệp quan trọng và đa dạng của Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong bối cảnh khó khăn của thị trường hiện tại, ngành nhựa Việt Nam vẫn cố gắng vượt qua thách thức và nắm bắt cơ hội để phát triển trong năm 2023. Theo báo cáo của Mordor Intelligence, thị trường nhựa Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR là 8% trong giai đoạn 2023-2028

Sự chuyển dịch từ những loại nhựa truyền thống sang những loại nhựa kỹ thuật và sinh học. Những loại nhựa này có tính chất vật lý và hóa học cao hơn và thân thiện với môi trường hơn so với những loại nhựa truyền thống. Theo Mordor Intelligence, phân khúc nhựa kỹ thuật được dự báo sẽ có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn dự báo (2023-2028), do nhu cầu cao từ các ngành công nghiệp yêu cầu chất lượng cao như ô tô và vận tải, điện và điện tử và y tế. Phân khúc nhựa sinh học cũng được kỳ vọng sẽ có sự phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, do sự quan tâm ngày càng cao của chính phủ và người tiêu dùng đối với việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa.

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, hiện nay Việt Nam có khoảng 4.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành Nhựa, phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm gần 90%, với hơn 25.000 lao động. Trong đó, các doanh nghiệp sản xuất trong ngành Nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 38%. Tiếp theo là các doanh nghiệp nhựa gia dụng và nhựa xây dựng chiếm lần lượt 30% và 23% trong cơ cấu ngành Nhựa Việt Nam.

Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 - 2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.

Bao bì nhựa hiện chiếm thị phần lớn nhất trên thị trường nhựa Việt Nam. Các yếu tố nổi bật như trọng lượng nhẹ, khả năng chống nhiệt, hóa chất và ăn mòn tốt khiến sản phẩm này trở thành lựa chọn khả thi cho mục đích đóng gói tại Việt Nam.

Trong ngành bao bì, nhựa được sử dụng để làm bao bì cho ngành chăm sóc sức khỏe, thực phẩm và đồ uống, hàng tiêu dùng, các sản phẩm chăm sóc cá nhân cũng như chăm sóc nhà cửa, vườn tược.

Ngành bao bì là một trong những ngành phát triển nhanh nhất tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng từ 15% đến 20% trong những năm tới. Hơn 900 nhà máy hiện đang hoạt động trong lĩnh vực này, với khoảng 70% được đặt khu vực phía Nam, chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai.



Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Trong năm 2023 thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng trong cả nước sụt giảm mạnh, giá nguyên liệu chính (hạt nhựa, giấy kraft) biến động thường xuyên khó dự báo hơn các năm trước. Chi phí thuê container và chi phí logistic vẫn còn cao. Lãi suất ngân hàng 3 quý đầu năm vẫn ở mức cao so với các năm trước. Việc đàm phán để tăng giá bán sản phẩm gặp nhiều khó khăn chưa điều chỉnh được do tính cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm ngày càng quyết liệt hơn.

Kết thúc năm 2023, doanh thu thuần đạt 874.546 triệu đồng đạt 90,16% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 28.069 triệu đồng vượt 0,15% so với kế hoạch đề ra.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH với KH của 2023(%)	So sánh với cùng kỳ 2022 (%)
1	Sản lượng sản xuất	Bao	128.650.000	119.849.767	93,2%	91,7%
2	Sản lượng tiêu thụ	Bao	128.650.000	119.419.872	92,8%	91,7%
3	Doanh thu	Tr.đồng	970.000	877.546	90,16%	87,8%
4	LN trước thuế	Tr.đồng	35.100	35.413	100,9%	100,2%
5	LN sau thuế	Tr.đồng	28.028	28.069	100,1%	103,0%
6	Nộp ngân sách	Tr.đồng	35.148	12.529	35,6%	59,7%
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9.674.685	12.024.452	124,3%	112,2%



Thực hiện định mức chi phí:

Trong năm 2023 các khoản chi phí cơ bản đều giảm theo tỷ lệ giảm của doanh thu và sản lượng.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu trên nhưng đơn vị cũng đã thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, phát huy năng suất lao động, điều chỉnh tỷ lệ phối trộn một số mặt hàng nhằm hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả. Đồng thời phát huy công suất tối đa sản lượng vỏ bao xi măng, vỏ bao Siling, Jumbo. Bên cạnh đó đơn vị đã linh động trong cân đối nguồn vốn vay tại các ngân hàng nhằm giảm chi phí tài chính do đó lợi nhuận của công ty trong kỳ vẫn duy trì đạt 100,15% so với kế hoạch.

Công tác thu hồi công nợ đảm bảo và sử dụng vốn:

Trong năm 2023 công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm bám sát để đảm bảo vốn phục vụ sản xuất.

Tổng số dư công nợ phải thu khách hàng phát sinh trong kỳ là 936,87 tỷ đồng, đã thu hồi và đối trừ được 952,27 tỷ đồng. Số dư công nợ phải thu cuối kỳ còn lại 224,03 tỷ đồng. Công nợ của năm 2022 còn 3,87 tỷ chiếm 1,62% số dư còn lại cuối 2022. Đơn vị tiếp tục bám nắm khách hàng để tìm phương án thu hồi công nợ đảm bảo.

Mặt khác với doanh thu phát sinh ngoại tệ tăng nên đơn vị sử dụng phương án vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Đồng thời tận dụng các chính sách giảm lãi suất của Ngân hàng để nhằm giảm chi phí tài chính. Các khoản vay được đáo hạn kịp thời không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn phát sinh.

Công tác đầu tư:

Trong năm 2023 đơn vị đã tiến hành đầu tư 7 hạng mục theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quyết định của Giám đốc công ty với tổng giá trị đầu tư là 6.773,9 triệu đồng. Bao gồm: 01 máy thử độ bền kéo; 12 cái Máy dẹt Stalinger; 01 xe nâng 3 tấn; 01 máy ép trực đứng; Cải tạo lại nhà để phế; Cải tạo nhà ăn cơ sở 2 và đầu tư thêm 1 xe tải Kia 2.5 tấn phục vụ vận tải hàng hoá.

Trong năm chưa thực hiện thanh lý tài sản nào.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động

STT	Tiêu chí	Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	920	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	70	8%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	175	19%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	640	70%
4	Lao động phổ thông	35	4%
II	Theo đối tượng lao động	920	100%
1	Lao động trực tiếp	745	81%
2	Lao động gián tiếp	175	19%
III	Theo giới tính	920	100%
1	Nam	322	35%
2	Nữ	598	65%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	920	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm		
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	498	54%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	422	46%
V	Theo cấp quản lý	175	100%
1	Quản lý cấp cao	4	2%
2	Quản lý cấp trung	7	4%
3	Quản lý cấp chi nhánh	4	2%
4	Chuyên viên, nhân viên	160	91%
VI	Theo độ tuổi	920	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	170	18%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	405	44%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	210	23%
4	Trên 45	135	15%

Chính sách nhân sự

Năm	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân của người lao động	7,720,000	9,394,391	9,838,683	10.714.340	12.024.452

Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Lao động gián tiếp Công ty trả lương khoán theo vị trí công việc được giao theo tháng. Lao động trực tiếp Công ty trả lương theo đơn giá, định mức sản phẩm. Người lao động làm việc thêm giờ ngày bình thường được thanh toán thêm 50%, làm ca đêm thanh toán thêm 50% tiền lương, nếu làm việc vào ngày lễ được thanh toán 300% tiền lương. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, tiền quà ngày lễ, tết, chế độ bảo hiểm, y tế, khám chữa bệnh, chế độ tham quan, du lịch, nâng bậc lương, bậc thợ vv... được giải quyết đúng đủ, công khai. Chế độ ăn ca được duy trì thường xuyên, bảo đảm được định lượng, tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Làm việc đủ 8 giờ/ngày được hưởng chế độ ăn cơm ca với mức 20.000 đồng/người/ca; Chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Trợ cấp:

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

- Các chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản trợ cấp được Công ty thanh toán đúng đủ vào các ngày từ 15-20 hàng tháng.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

Chính sách tuyển dụng:

Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn. doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng trưởng
1. Tổng tài sản	Tỷ đồng	459.58	38817	-15,54%
2. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	994.52	874.55	-12,06%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	35.55	35.55	0,00%
4. Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-190.52	-141.90	-25,52%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35.35	35.36	0,03%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.26	28.07	2,97%

Năm 2023 các chỉ tiêu ghi nhận mức tăng trưởng không tích cực, giá cả nguyên vật liệu và cước phí vận tải biến động do tình hình kinh tế, chính trị thế giới bất ổn dẫn tới các hoạt động SXKD, dịch vụ, lưu thông hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên đây là tình hình chung của ngành Nhựa nói chung và các doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa nói riêng bởi ảnh hưởng nặng nề do việc gián đoạn hoạt động kinh doanh, sản xuất do dịch bệnh, thiên tai cũng như mức cạnh tranh của thị trường bao bì. Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn khiến cho các đơn hàng mới sụt giảm đặc biệt ở thị trường nước ngoài; càng làm tăng gánh nặng cho các khoản chi phí vận hành, trả lương nhân công đặc biệt là nguyên vật liệu để sản xuất. Thêm vào đó, tình hình thị trường về nhu cầu vỏ bao truyền thống sụt giảm mạnh, người tiêu dùng ngày càng hạn chế các sản phẩm nhựa.VBC đã rất nỗ lực để phục hồi và quay trở lại tiến độ kinh doanh để bù đắp cho giai đoạn đầu năm 2024 và hướng đến mục tiêu tăng trưởng trong tương lai.

Một số chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	Tỷ lệ tăng (giảm) 2023 so với 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1.13	1.16	1.23	1.22	1.35	10,66%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.8	0.81	0.84	0.80	1.00	25,42%

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	Tỷ lệ tăng (giảm) 2023 so với 2022
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.75	0.68	0.672	0.673	0.593	-11,82%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	3.01	2.17	2.05	2.06	1.46	-29,14%
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7.01	7.98	9.12	7.65	7.66	0,16%
- Vòng quay tổng tài sản	vòng	2.00	1.98	2.40	2.23	2.06	-7,47%
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2.88	3.02	2.737	2.738	3.210	17,22%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	24.02	21.37	20.39	18.65	17.79	-4,63%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	5.67	5.98	6.56	6.10	7.23	18,55%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	3.62	3.89	3.46	3.57	4.07	13,88%

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023, hệ số khả năng thanh toán hiện hành của VBC luôn duy trì ở mức lớn hơn 1. Năm 2023, khả năng thanh toán ngắn hạn của VBC đã tăng 10,66% so với năm 2022. Hệ số thanh toán nhanh 2023 là 1.00 lần tăng 25,42% so với năm 2022. Nhìn chung khả năng thanh toán của VBC tăng so với năm 2022 do công ty đã có những chiến lược nâng cao quản trị tài chính để thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn đã mang lại hiệu quả cao.

Nhìn chung trong năm trở lại đây, công ty luôn nỗ lực giảm tỷ trọng các khoản nợ trong cơ cấu vốn để tăng khả năng độc lập về tài chính trong dài hạn. Năm 2023, hệ số nợ/tổng tài sản giảm đáng kể so với năm 2022 đạt 0.593 lần tương ứng tỷ lệ 11,82% đồng thời hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cũng giảm 29,14% đạt 1.46 lần so với năm 2021.

Xét từ giai đoạn từ 2019 - 2021, các hệ số về hiệu suất hoạt động của VBC đang có xu hướng tăng, cả hai chỉ số về vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều tăng đáng kể, cho thấy VBC đang ngày càng tối ưu hóa hiệu quả, năng lực hoạt động của mình.Tuy nhiên cho đến năm 2023, vòng quay hàng tồn kho của VBC có xu hướng giảm so với giai đoạn trước còn 7,66 vòng; số vòng quay tổng tài sản năm 2023 cũng giảm đạt 2,06 vòng.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần là 3,210% tăng nhẹ so với năm 2022, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần cũng tăng 13,88% so với năm 2022 đạt 4,07%. Nguyên nhân là do năm 2023, VBC đã giữ được mức tăng về doanh thu bán hàng tuy nhiên do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên đáng kể để doanh nghiệp khắc phục những khó khăn trong sản xuất và kinh doanh. Năm 2023, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu của VBC là 17,79% tương đương với tỷ lệ giảm là 4,63%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản vào năm 2023 cũng có xu hướng tăng 18,55% so với năm 2022 đạt mức 7,23%.



C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phương hướng phát triển

1. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2023 nhưng tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên CTCP Nhựa, Bao bì Vinh với tinh thần hăng say lao động, tích cực đổi mới và bên cạnh đó là nhờ có sự điều hành, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, VBC luôn bắt kịp với những thay đổi của thị trường, luôn đổi mới sáng tạo, gây dựng được vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin cho đối tác. Năm 2023, VBC đã gặt hái được những thành tựu nhất định. Về quy mô sản xuất, VBC đang thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị nhà xưởng nhằm nâng cao sản lượng sản xuất, mở rộng quy mô nhà xưởng để đáp ứng chiến lược kinh doanh.

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	874.808.591.051
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	265.078.050
3	Giá vốn hàng bán	788.087.856.143
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.455.656.858
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.853.102.965
6	Chi phí tài chính	12.272.320.805
	Trong đó: chi phí lãi vay	10.712.391.230
7	Chi phí bán hàng	22.492.516.597
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.989.251.169
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.554.671.252
10	Thu nhập khác	170.208.230
11	Chi phí khác	312.108.771
12	Lợi nhuận khác	-141.900.541
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.412.770.711
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.343.330.868
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.069.439.843
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)	3.566

Trong năm 2023 công ty thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn tại công ty được thực hiện tương đối chặt chẽ, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát huy có hiệu quả. Công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm, phối hợp thực hiện, công nợ của khách hàng được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, cuối năm tiến hành đối chiếu xác nhận nợ theo đúng quy định; các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng đầy đủ.

Công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm được thực hiện tương đối chặt chẽ, phân bước theo từng công đoạn sản xuất; giá thành sản phẩm được tính đúng, tính đủ, không để sót chi phí, phù hợp với quy trình sản xuất; tăng cường công tác quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ; tiết kiệm chi phí, hạn chế những thất thoát lãng phí; sử dụng công nghệ phối trộn phụ gia, hạt tái chế để giảm giá thành sản phẩm;

2. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dân đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2024 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dân đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

D.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty**
- 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD**
- 3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023 thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng trong cả nước sụt giảm mạnh, giá nguyên liệu chính biến động thường xuyên. Chi phí vận tải, lãi suất ngân hàng 3 quý đầu năm vẫn ở mức cao so với các năm trước đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của đơn vị nhưng HĐQT đã chỉ đạo, triển khai kế hoạch SXKD, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt là đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Ngoài các phiên họp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

HĐQT thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban điều hành công ty, luôn đảm bảo việc vận hành, quản lý hoạt động SXKD đúng quy định pháp luật và quy chế quản trị nội bộ. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền để giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các báo cáo tình hình quản trị của Công ty trong năm 2023 được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin của Công ty đúng quy định.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	So sánh
1	Vốn điều lệ	74.999	74,999	100,0%
2	Sản lượng (triệu bao)	130,18	119,42	91,73%
3	Doanh thu và TN khác	998.851	877.567	87,86%
4	Lợi nhuận trước thuế	35.357	35.413	101,16%
5	Lợi nhuận sau thuế	27.261	28.069	102,96%
6	Lãi cơ bản /CP (đồng)	3.635	3.743	102,97%
7	Cổ tức (%)	18	18	100,0%
8	Thu nhập bquân (đ/ng/th)	10.714.340	12.024.452	112,23%

Về Công tác đầu tư:

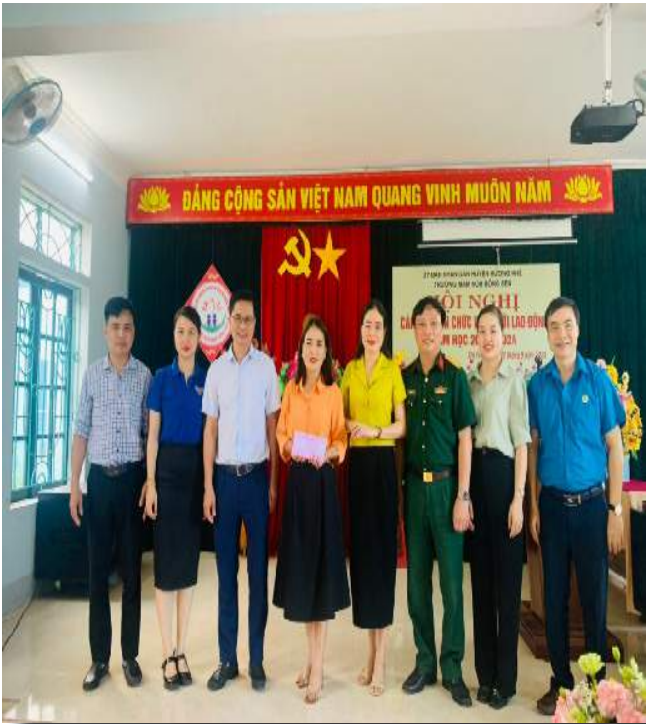
Trong năm 2023 đơn vị đã tiến hành đầu tư 7 hạng mục theo nghị quyết của ĐHCĐ và Quyết định của Giám đốc công ty với tổng giá trị đầu tư là 6.773,9 triệu đồng. Bao gồm: 01 máy thử độ bền kéo; 12 cái Máy dệt Stalinger; 01 xe nâng 3 tấn; 01 máy ép trực đứng; Cải tạo lại nhà để phế; Cải tạo nhà ăn cơ sở 2 và đầu tư thêm 1 xe tải Kia 2.5 tấn phục vụ vận tải hàng hoá. Trong năm chưa thực hiện thanh lý tài sản nào.

Tình hình quản trị công ty:

Trong năm 2023, HĐQT chấp hành đầy đủ quy chế hoạt động, ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua trao đổi điện thoại, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề và ban hành các nghị quyết, quyết định về đầu tư, nhân sự, định hướng về sản xuất kinh doanh; ban hành và sửa đổi, bổ sung đầy đủ các quy chế về quản trị nội bộ, điều lệ công ty, tổ chức bộ máy... giúp cho Công ty hoạt động ngày càng quy củ, nề nếp.

Công tác giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý:

HĐQT giám sát Ban điều hành công ty thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong năm qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành:

Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Việc điều hành SXKD của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo các hoạt động của Công ty thực hiện đúng nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Định kỳ HĐQT thông qua Báo cáo tài chính và Kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng, năm do Ban điều hành báo cáo. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, phát triển thị trường và công tác công nghệ chất lượng.

Trong năm 2023, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đầy đủ, minh bạch. Ban điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình, duyệt của HĐQT tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày được tuân thủ theo quy trình quản lý.



3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Dự kiến năm 2024 giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động theo chiều hướng tăng, thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn cạnh tranh cả về chất lượng, tiến độ, giá cả, cơ chế bán hàng... Vì vậy, sản lượng tiêu thụ của Công ty sẽ gặp không ít khó khăn. Những yêu cầu về chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, công tác quản lý và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động là những thách thức lớn đang đặt ra cho Công ty. Trước những đặc điểm tình hình nêu trên, HĐQT xác định kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

1. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, Ban điều hành trong quan hệ công tác vì lợi ích chung của công ty, của cổ đông với tinh thần trách nhiệm cao nhất và thường xuyên chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn; tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. Duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các nghị quyết trong năm 2024 kịp thời.

2. Bám sát chỉ tiêu kế hoạch và nhu cầu thị trường tiêu thụ để ra nghị quyết triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng và năm hoặc trong từng trường hợp cụ thể phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Trong bối cảnh thị trường xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh, Công ty đã triển khai các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, giữ khách hàng, tăng doanh thu. Phân tích đối thủ cạnh tranh và xây dựng, lập phương án kinh doanh với chính sách, chất lượng sản phẩm tốt để thu hút khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường mạnh mẽ công tác Marketing, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng phạm vi tiếp thị, quảng bá hình ảnh sản phẩm đến khách hàng trong và ngoài nước.

3. Phê duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức KTKT, tổ chức biên chế và định biên Công ty năm 2024.

4. Chỉ đạo triển khai công tác đầu tư đảm bảo có hiệu quả, đúng tiến độ, đúng qui định của pháp luật. Tập trung đầu tư các hạng mục thiết yếu cần ưu tiên trước. Rà soát, sắp xếp các hạng mục theo mức độ ưu tiên về đầu tư, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm đưa vào phục vụ hoạt động sản xuất.

5. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản Công ty theo các nghị quyết của HĐQT.

6. Xem xét, đánh giá việc tuân thủ, chấp hành các nội quy, quy chế, quy định do Công ty ban hành trong hoạt động thực tiễn và công tác triển khai thực hiện các nghị quyết.

E.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT chấp hành đầy đủ quy chế hoạt động, ngoài các phiên họp định kỳ, HĐQT thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua trao đổi điện thoại, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề và ban hành các nghị quyết, quyết định về đầu tư, nhân sự, định hướng về sản xuất kinh doanh; ban hành và sửa đổi, bổ sung đầy đủ các quy chế về quản trị nội bộ, điều lệ công ty, tổ chức bộ máy... giúp cho Công ty hoạt động ngày càng quy củ, nề nếp.

Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Việt	02	100%	Miễn nhiệm 18/04/2023
2	Ông Nguyễn Hữu Sơn	04	100%	
3	Ông Lê Xuân Thọ	04	100%	
4	Ông Trương Đắc Thành	04	100%	
5	Ông Phan Văn Toàn	04	100%	
6	Ông Nguyễn Trung Kiên	04	100%	
7	Bà Phạm Nguyệt Minh	04	100%	

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	61/QĐ-VBC	14/2	Về việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị - Thư kí HĐQT
2	62/QĐ-VBC	14/2	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký HĐQT
3	72/NQ-VBC	15/2	Nghị quyết về việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2023

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
4	161/ NQ-VBC	18/4	Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2023
5	162/NQ-HĐQT	18/4	Về việc bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027
6	167/ QĐ-VBC	20/4	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng cải tạo nhà ăn cơ sở 2
7	186/ NQ-HĐQT	5/5	Về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt
8	208/ QĐ-VBC	29/5	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng cải tạo nhà ăn cơ sở 2
9	212/ QĐ-VBC	30/5	Về việc bổ nhiệm Trưởng phòng CT-HC
10	213/ QĐ-VBC	31/5	Về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Thị trường
11	214/ QĐ-VBC	31/5	Về việc bổ nhiệm Phó Phòng Kế hoạch
12	215/ QĐ-VBC	31/5	Về việc bổ nhiệm Phó phòng Thị trường
13	242/NQ-ĐHĐCĐ	30/6	Nghị Quyết tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023
14	249/QĐ-HĐQT	03/7	Quyết định thành lập ban giám sát thi công công trình "xây dựng, cải tạo nhà ăn cơ sở 2"
15	252/QĐ-VBC	04/7	Quyết định Phê duyệt quyết toán đầu tư tài sản cố định tháng 7/ 2023
16	306B/NQ-HĐQT	12/9	Nghị quyết phiên họp quý 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị
17	342/QĐ-HĐQT	02/10	Quyết định cử đoàn đi công tác khảo sát máy dán đáy tại Trung Quốc
18	426B/NQ-HĐQT	27/12	Nghị quyết phiên họp quý 4 năm 2023

2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
-----	--------	---------	--	---------------------

Ban Kiểm Soát

1	Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	22/04/2017	Cử nhân kinh tế
2	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	07/05/2021	Thạc sỹ QTKD
3	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	10/04/2018 18/04/2023	Cử nhân kinh tế
4	Đồng Thị Hà	Thành viên	18/04/2023	Cử nhân kinh tế

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trần Ngọc Sâm	04	100	100	
2	Nguyễn Thị Minh Trang	04	100	100	
3	Phạm Đỗ Huy Cường	01	100	100	Đã từ nhiệm
4	Đồng Thị Hà	03	100	100	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi HĐQT, Ban điều hành thực thi các nhiệm vụ;
- Định kỳ kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác của các số liệu tài chính;
- Xem xét các Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do Ban điều hành thực hiện;

- Kiểm tra, xem xét trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, nội quy, quy chế quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, BGD và tham gia đóng góp ý kiến;
- Thực hiện một số công tác khác theo quy định của Luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

BKS thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và việc thực hiện Nghị quyết, điều hành sản xuất của Ban giám đốc điều hành. Thường xuyên đưa ra những kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban điều hành trong hoạt động SXKD và các hoạt động khác của công ty. Hàng quý, BKS tổ chức kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán nhằm định hướng cho hoạt động tài chính của đơn vị được bảo toàn và phát triển

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Không có

The background of the slide is a photograph showing five small green seedlings of varying heights growing out of dark brown soil. From left to right, the seedlings decrease in height. The sun is setting or rising in the background, creating a warm, golden glow and casting long, soft shadows. The sky is filled with wispy clouds in shades of blue, orange, and yellow.

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của Ban giám đốc
3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

Phát triển bền vững được xác định là một mục tiêu quan trọng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty. Ban lãnh đạo Công ty tin rằng phát triển bền vững xuất phát từ những nỗ lực hằng ngày của từng tế bào trong doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ tối thượng, nhưng làm sao để luôn giữ được cái tối thượng đó thì đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty cần sáng suốt trong từng chiến lược, quyết tâm trong từng hành động. Trong chiến lược phát triển dài hạn của VBC, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ góp phần làm gia tăng giá trị doanh nghiệp, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“Xuất phát từ mục tiêu cuối cùng mà Công ty hướng đến là sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia, Công ty cổ phần Nhựa, bao bì Vĩnh không ngừng cố gắng nỗ lực gắn liền tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh với các hoạt động phát triển bền vững như luôn quan tâm đến khả năng tái sử dụng các nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo an toàn khi xả thải nước ra môi trường, luôn chú trọng trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động hay có các hoạt động từ thiện chia sẻ đóng góp cho cộng đồng ở địa phương. Toàn thể ban lãnh đạo công ty luôn tâm niệm làm sao có thể vừa cân bằng hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển bền vững vì chỉ khi có sự ủng hộ của cộng đồng thì doanh nghiệp mới có thể đi xa phát triển lâu bền trong mọi hoàn cảnh”



2. Đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

VBC luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. VBC có bộ phận chuyên trách về môi trường, phụ trách theo dõi và giám sát tuân thủ về môi trường của Công ty. CBCNV thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở về sử dụng năng lượng tiết kiệm, ..cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, ngoài ra, Công ty thực hiện quan trắc môi trường đều đặn để kiểm soát hoạt động xả thải của mình.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Đối với việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, nước mưa và nước thải sinh hoạt có hệ thống mương, máng để gom, xử lý và bể lắng lọc tại điểm xả cuối trước khi thải ra môi trường. Kết quả quan trắc hàng năm, nước thải đạt các chỉ số cho phép. Các chất thải rắn thông thường, phế liệu trong quá trình sản xuất được vận chuyển sang cơ sở 2 ở Khu Công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để đưa vào tái chế, sử dụng. Còn chất thải nguy hại chủ yếu là dầu, mỡ cháy máy, giẻ lau bám dầu mỡ, bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng mực in... được đưa vào phân loại, bảo quản trong thùng phi và lưu giữ tại kho riêng. Hàng năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng, bộ phận chuyên trách để vận chuyển, xử lý.

Đánh giá hoạt động liên quan đến cộng đồng- xã hội

VBC hiểu rằng, sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, của xã hội; và ngược lại, sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để VBC nỗ lực hơn nữa. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn.



Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, VBC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV: Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ dưỡng. Công ty cũng chú trọng đến chất lượng các bữa ăn của công nhân tại nhà máy. Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Cụ thể:

- Năm 2023, BCH công đoàn đề nghị hỗ trợ tiền tham quan, nghỉ mát an dưỡng dịp 30/4;1/5 là 1.816.150.000 đ cho 952 lao động.

- Thăm hỏi 31 đồng chí có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo số tiền 57.000.000 đồng. Tặng quà tết vì người nghèo trên địa bàn Nghệ an, hà tĩnh: 10.000.000 đồng; trao quà cho quân nhân, cán bộ nghỉ hưu và gia đình chính sách 23.000.000 đồng.

- Phân công cán bộ thăm và tặng quà cho các gia đình thân nhân liệt sỹ, bệnh binh ngày 27/7 trên địa bàn 10 triệu, trao quà cho 2 đoàn viên con liệt sỹ 2 triệu.

- Phối hợp với tổ chức phụ nữ tặng quà 1/6 và rằm trung thu : 503.400.000 đồng



3. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là, hạt nhựa PP, PE, giấy Kraft các loại. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên liệu của Công ty được nhập từ các Công ty cung ứng trong và ngoài nước trong những năm qua tương đối ổn định. Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm hiệu quả, vật liệu sản xuất được đưa vào tái chế vừa tiết kiệm vừa có lợi cho môi trường xã hội.

Tiêu thụ năng lượng

Nước: Nước dùng trong sản xuất là nước sạch. Nước thải sinh hoạt được Công ty xử lý bằng trạm xử thải tiên tiến, quy trình xử lý nước thải luôn được tuân thủ nghiêm ngặt, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty kiểm soát tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Các biện pháp tiết kiệm nước được Công ty sử dụng:

- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.
- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.

Điện: Công ty luôn quan tâm vấn đề tiêu thụ điện, tiết kiệm năng lượng và không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm điện năng khả thi đồng thời nâng cao ý thức chấp hành của cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ lãnh đạo trong việc sử dụng tiết kiệm điện.

- VBC đã và đang cho lắp đặt , nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm, đèn chiếu sáng tự động bật tắt,...)
- Thiết kế văn phòng theo hướng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng hệ thống chiếu sáng.
- Quy định tắt toàn bộ hệ thống điện sau khi tan làm
- Định kì bảo dưỡng hệ thống nhằm duy trì hiệu suất tối đa cho hệ thống và tiết kiệm năng lượng.
- Duy trì mức nhiệt độ phù hợp 24-27 độ C, tránh chênh lệch quá nhiều với nhiệt độ bên ngoài, Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ sau 18:00, Quy định mở điều hòa không được mở cửa sổ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực Nhà nước. Hệ thống quản lý môi trường tại nhà máy của VBC được tiến hành theo quy trình nghiêm ngặt giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty luôn nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư đồng thời giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Ngoài ra, Công ty có những chương trình kêu gọi CBCNV sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tiết kiệm



Chính sách liên quan đến người lao động

Lương thưởng:

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Chế độ và trợ cấp

Người lao động được hưởng các chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Đào tạo và phát triển nhân viên:

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thì nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương, phụ cấp theo định mức quy định.



G.
BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2023



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 32

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Xuân Thọ
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 05A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		309.869.208.799	371.253.831.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	489.384.850	2.523.473.029
1. Tiền	111		489.384.850	2.523.473.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.139.967.444	241.242.400.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	225.998.822.607	240.249.278.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	395.215.678	233.800.725
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	87.259.534	877.636.075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(341.330.375)	(118.314.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.783.490.428	125.927.764.378
1. Hàng tồn kho	141	V.6	79.783.490.428	125.927.764.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.456.366.077	1.560.193.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.252.364.009	1.532.914.625
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.181.264.008	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	22.738.060	27.279.259
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Số: 2.0115/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

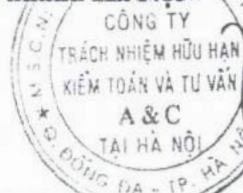
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.296.042.143	88.228.514.677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.513.019.899	84.329.711.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	74.513.019.899	84.329.711.928
- Nguyên giá	222		294.941.034.606	288.167.095.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.428.014.707)	(203.837.383.962)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.783.022.244	3.898.802.749
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.783.022.244	3.898.802.749
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		388.165.250.942	459.482.346.348

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		230.358.901.014	309.295.748.754
I. Nợ ngắn hạn	310		229.315.263.109	305.248.306.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	92.639.260.465	103.697.490.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.969.786.731	828.819.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.772.860.359	4.022.841.971
4. Phải trả người lao động	314		24.066.279.349	26.117.427.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	366.124.227	2.832.014.050
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.029.653.048	1.569.217.319
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	104.380.284.573	165.708.583.734
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.091.014.357	471.911.171
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.043.637.905	4.047.442.412
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	1.043.637.905	4.035.539.468
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	11.902.944

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.806.349.928	150.186.597.594
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	157.806.349.928	150.186.597.594
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.612.315.540	46.475.296.752
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.744.439.843	27.261.706.297
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27.261.706.297
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		26.744.439.843	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		388.165.250.942	459.482.346.348

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	874.808.591.051	995.451.464.436
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	265.078.050	934.735.140
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		874.543.513.001	994.516.729.296
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	788.087.856.143	901.902.972.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.455.656.858	92.613.756.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.853.102.965	4.544.145.083
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.272.320.805	13.984.261.231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.712.391.230	11.288.076.210
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.492.516.597	29.101.657.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.989.251.169	18.524.153.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.554.671.252	35.547.829.325
11. Thu nhập khác	31	VI.8	170.208.230	83.802.682
12. Chi phí khác	32	VI.9	312.108.771	274.328.161
13. Lợi nhuận khác	40		(141.900.541)	(190.525.479)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.412.770.711	35.357.303.846
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	7.343.330.868	8.095.597.549
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.069.439.843	27.261.706.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.970	2.885
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.970	2.885

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

TP. VINH - T. NGHỆ AN

VINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		946.674.261.812	1.033.897.023.823
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(694.364.957.521)	(898.951.411.295)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(120.962.562.375)	(116.725.227.408)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.813.848.117)	(11.182.527.288)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(8.332.578.587)	(9.197.282.965)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.773.941.626	19.646.369.632
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.807.523.470)	(28.208.514.797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		83.166.733.368	(10.721.570.298)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.953.382.485)	(20.805.236.626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.275.000	443.252.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.911.107.485)	(20.361.984.190)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	775.466.760.550	965.775.524.573
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(840.256.443.619)	(919.114.565.896)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(78.289.611.069)	33.161.030.677
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.033.985.186)	2.077.476.189
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.523.473.029	446.301.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(102.993)	(304.644)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	489.384.850	2.523.473.029

Người lập

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ
VINH
TP. VINH - T. NGHỆ AN

Lê Xuân Thọ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 921 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.010 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

- Tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản phải thu**
Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	02

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thụ nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.355.408	82.667.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	465.029.442	2.440.805.326
Cộng	489.384.850	2.523.473.029

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	29.622.361.143	35.616.358.486
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	45.907.793.385	33.961.841.818
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Xuân Thành	21.810.321.036	25.625.776.190
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	23.969.508.660	20.015.997.480
Các khách hàng khác	104.688.838.383	125.029.304.125
Cộng	225.998.822.607	240.249.278.099

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	177.874.725
Perfect Belts Private Limited	221.332.058	-
Các nhà cung cấp khác	173.883.620	55.926.000
Cộng	395.215.678	233.800.725

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	84.984.358	-	76.396.002	-
Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn	-	-	756.588.073	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.275.176	-	44.652.000	-
Cộng	87.259.534	-	877.636.075	-

5. Dự phòng nợ phải thu nợ ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	-	-	118.314.519	(118.314.519)
Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	1.137.767.916	(341.330.375)	-	-
Cộng	1.137.767.916	(341.330.375)	118.314.519	(118.314.519)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	118.314.519	82.820.163
Trích lập dự phòng bổ sung	341.330.375	35.494.356
Hoàn nhập dự phòng	(118.314.519)	-
Số cuối năm	341.330.375	118.314.519

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	174.900.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.816.243.326	-	55.548.882.609	-
Công cụ, dụng cụ	3.664.413.575	-	5.995.052.617	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.940.280.013	-	51.336.515.854	-
Thành phẩm	12.243.624.983	-	12.872.413.298	-
Hàng gửi đi bán	1.118.928.531	-	-	-
Cộng	79.783.490.428	-	125.927.764.378	-

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	787.046.605	982.782.185
Chi phí bảo hiểm	208.414.876	208.769.357
Chi phí sửa chữa	233.430.304	295.529.750
Các chi phí khác	23.472.224	45.833.333
Cộng	1.252.364.009	1.532.914.625

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.001.808.775	937.790.465
Chi phí sửa chữa	392.294.059	445.131.357
Chi phí thuê đất (*)	2.373.336.077	2.483.297.594
Các chi phí khác	15.583.333	32.583.333
Cộng	3.783.022.244	3.898.802.749

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	57.116.099.514	216.825.207.962	13.398.741.271	776.757.143	50.290.000	288.167.095.890
Mua trong năm	-	4.835.764.063	837.383.222	-	-	5.673.147.285
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.100.791.431	-	-	-	-	1.100.791.431
Phân loại lại	-	(605.302.273)	352.727.273	252.575.000	-	-
Số cuối năm	58.216.890.945	221.055.669.752	14.588.851.766	1.029.332.143	50.290.000	294.941.034.606
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28.316.028.795	98.853.915.847	5.269.948.454	1.029.332.143	50.290.000	133.519.515.239
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	43.439.458.099	146.455.869.952	13.115.008.768	776.757.143	50.290.000	203.837.383.962
Khấu hao trong năm	2.638.880.962	13.597.598.599	354.151.184	-	-	16.590.630.745
Phân loại lại	-	(522.019.443)	269.444.443	252.575.000	-	-
Số cuối năm	<u>46.078.339.061</u>	<u>159.531.449.108</u>	<u>13.738.604.395</u>	<u>1.029.332.143</u>	<u>50.290.000</u>	<u>220.428.014.707</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.676.641.415	70.369.338.010	283.732.503	-	-	84.329.711.928
Số cuối năm	<u>12.138.551.884</u>	<u>61.524.220.644</u>	<u>766.964.541</u>	-	-	<u>74.513.019.899</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 42.603.806.090 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	902.192.364	494.334.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	109.350.000	406.884.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	792.842.364	87.450.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	91.737.068.101	103.203.156.949
Công ty TNHH Thành Dũng	6.000.917.976	11.379.303.496
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	18.854.971.668	19.106.942.420
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	15.142.900.000	27.306.000.000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	15.741.000.000	8.316.000.000
Công ty TNHH Minh Hoàng	9.265.176.087	9.053.989.981
Các nhà cung cấp khác	26.732.102.370	28.040.921.052
Cộng	<u>92.639.260.465</u>	<u>103.697.490.949</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mitr Lao Sugar Co., Ltd	702.455.760	-
Vienovo Philippines Inc	468.200.000	465.800.000
T.Yingseng Co.,Ltd	-	281.280.000
Các khách hàng khác	1.501.586.731	81.739.347
Cộng	<u>1.969.786.731</u>	<u>828.819.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	510.016.363	-	2.555.078.104	(3.065.094.467)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.271.938.488	(4.271.938.488)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	41.379.481	(41.379.481)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.329.270.291	-	7.343.330.868	(8.332.578.587)	2.340.022.572	-
Thuế thu nhập cá nhân	183.555.317	-	373.772.524	(124.490.054)	432.837.787	-
Thuế nhà đất	-	27.279.259	29.082.398	(14.541.199)	-	12.738.060
Tiền thuê đất	-	-	505.170.230	(515.170.230)	-	10.000.000
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	<u>4.022.841.971</u>	<u>27.279.259</u>	<u>15.123.752.093</u>	<u>(16.369.192.506)</u>	<u>2.772.860.359</u>	<u>22.738.060</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.412.770.711	35.357.303.846
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	517.082.368	645.128.181
- Các khoản điều chỉnh giảm	(182.781.739)	(38.422.091)
Thu nhập chịu thuế	35.747.071.340	35.964.009.936
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.149.414.268	7.192.801.987
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	193.916.600	902.795.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.343.330.868	8.095.597.549

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong đó:

- Tiền thuê đất nhà máy 1 tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.794,5 m² là 505.170.000 VND/năm;
- Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phép, lương năng suất phải trả	-	2.598.459.994
Chi phí lãi vay phải trả	87.097.169	188.554.056
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	279.027.058	45.000.000
Cộng	366.124.227	2.832.014.050

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	70.615.800	104.956.560
Phụ cấp HĐQT, BKS	70.615.800	104.956.560
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	959.037.248	1.464.260.759
Kinh phí công đoàn	930.353.879	1.271.870.759
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	28.683.369	192.390.000
Cộng	1.029.653.048	1.569.217.319

14. Vay**14a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	93.796.884.573	140.653.914.370
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	35.676.790.227	72.114.405.666
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	34.747.046.231	45.736.340.504
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.373.048.115	22.803.168.200
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	9.192.000.000	14.192.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V14b)	1.391.400.000	10.862.669.364
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An	-	2.128.019.364
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	209.000.000	7.552.250.000
Cộng	104.380.284.573	165.708.583.734

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo các Hợp đồng số 176/TD23-NAN ngày 02/10/2023 và 177/TD21-NAN ngày 02/10/2023 với hạn mức vay lần lượt là 4.000.0000 USD và 140.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay quy định trên từng Giấy nhận nợ (lãi suất năm 2023 là từ 5% - 6%). Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 135234.23.810.3670001.TD ngày 17/05/2023 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi được quy định theo từng văn bản nhận nợ (lãi suất năm 2023 là từ 5% - 6,25%). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định là máy móc thiết bị; toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển tại 3 nhà máy.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo Hợp đồng hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT442-VBC ngày 24/10/2023 với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từng lần tối đa không vượt quá 5 tháng, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm (lãi suất năm 2023 là 6,5%). Khoản vay được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (iv) Vay tín chấp các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 9,38%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	140.653.914.370	14.192.000.000	10.862.669.364	165.708.583.734
Số tiền vay phát sinh trong năm	765.266.760.550	10.200.000.000	-	775.466.760.550
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	1.391.400.000	1.391.400.000
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	469.482.345	-	-	469.482.345
Số tiền vay đã trả trong năm	(812.593.272.692)	(15.200.000.000)	(10.862.669.364)	(838.655.942.056)
Số cuối năm	93.796.884.573	9.192.000.000	1.391.400.000	104.380.284.573

14b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	886.800.000	2.069.200.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	1.600.501.563
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	156.837.905	365.837.905
Cộng	1.043.637.905	4.035.539.468

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 296/DTDA17/NAN.KHDN ngày 27/05/2019 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất năm 2023 là 7,6%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng vay số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT442-VBC ngày 07/07/2021 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất năm 2023 là 9,6%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.391.400.000	10.862.669.364
Trên 1 năm đến 5 năm	1.043.637.905	4.035.539.468
Cộng	2.435.037.905	14.898.208.832

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.035.539.468	6.980.120.927
Số tiền vay phát sinh	-	17.899.552.944
Số tiền vay đã trả	(1.600.501.563)	(8.744.898.799)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.391.400.000)	(10.862.669.364)
CLTG phát sinh trong năm	-	(1.236.566.240)
Số cuối năm	1.043.637.905	4.035.539.468

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	471.911.171	1.688.085.314	(270.450.000)	1.889.546.485
Quỹ phúc lợi	(756.588.073)	5.089.255.945	(4.131.200.000)	201.467.872
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	172.418.250	(172.418.250)	-
Cộng	(284.676.902)	6.949.759.509	(4.574.068.250)	2.091.014.357

Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (Xem thuyết minh số V.4).

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	27.261.706.297	27.261.706.297
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.820.828.348	(8.820.828.348)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.622.305.885)	(5.622.305.885)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(169.007.190)	(169.007.190)
Số dư cuối năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.069.439.843	28.069.439.843
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.137.018.788	(8.137.018.788)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.777.341.259)	(6.777.341.259)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(172.418.250)	(172.418.250)
Số dư cuối năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	26.744.439.843	157.806.349.928

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.090.000	10.647.090.000
Cộng	74.999.600.000	74.999.600.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	: 13.499.928.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.137.018.788
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.363.085.314
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.089.255.945
• Trích thưởng ban quản lý điều hành	: 172.418.250

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2023 với số tiền lần lượt là 325.000.000 và 1.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 243/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.784,23 USD (số đầu năm là 14.603,19 USD).

17b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	13.401.239.836	36.853.363.126
Doanh thu bán thành phẩm	860.519.825.215	958.598.101.310
Doanh thu khác	887.526.000	-
Cộng	874.808.591.051	995.451.464.436

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty An Tiến Industries		
Doanh thu bán thành phẩm	196.000.000	451.520.000
Công ty Nhựa Bao bì An Vinh		
Doanh thu bán thành phẩm	-	2.220.318.200

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.759.466.257	34.939.291.137
Giá vốn của thành phẩm đã bán	776.328.389.886	866.963.681.262
Cộng	788.087.856.143	901.902.972.399

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay ký quỹ mở L/C	42.275.000	142.099.998
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.727.820	149.252.437
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.806.100.145	4.252.792.648
Cộng	2.853.102.965	4.544.145.083

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.712.391.230	11.288.076.210
Phí mở L/C	-	98.634.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.506.214.091	2.114.827.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.324.239	92.723.970
Chi phí khác	42.391.245	389.998.280
Cộng	12.272.320.805	13.984.261.231

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.254.141.975	1.416.162.342
Chi phí vật liệu, bao bì	3.318.983.239	3.624.488.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.095.972	338.827.750
Chi phí vận chuyển	13.708.767.649	20.762.040.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.487.351.976	1.550.316.198
Các chi phí khác	1.530.175.786	1.409.821.790
Cộng	22.492.516.597	29.101.657.865

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.322.261.023	8.969.844.952
Chi phí vật liệu quản lý	640.595.820	702.074.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	323.921.694	343.703.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.541.706	242.719.992
Thuế, phí và lệ phí	27.899.454	7.961.581
Dự phòng phải thu khó đòi	223.015.856	35.494.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.054.805	874.450.181
Các chi phí khác	7.185.960.811	7.347.903.841
Cộng	18.989.251.169	18.524.153.559

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	78.000.000
Lãi bán phế liệu	163.402.298	-
Thu nhập khác	6.805.932	5.802.682
Cộng	170.208.230	83.802.682

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vô bao hàng rách vỡ	123.741.455	165.883.310
Thuế bị phạt, bị truy thu	180.286.303	108.436.580
Chi phí khác	8.081.013	8.271
Cộng	312.108.771	274.328.161

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.069.439.843	27.261.706.297
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành (*)	(5.791.414.776)	(5.624.759.509)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.278.025.067	21.636.946.788
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.970	2.885

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm nay được tạm tính căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 161/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2023.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm năm trước giảm từ 2.886 VND xuống 2.885 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579.292.150.852	707.977.185.514
Chi phí nhân công	139.058.542.081	134.913.900.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.590.630.745	17.548.945.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.671.764.748	52.724.939.748
Chi phí khác	9.290.973.601	11.143.664.386
Cộng	792.904.062.027	924.308.635.834

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc					
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc (đến 18/4/2023)	393.550.385	-	24.058.360	417 608 745
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch (đến 18/4/2023)	-	24 960 000	28.303.954	53 263 954
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	374.400.000	56 160 000	32.549.548	463 109 548
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc	328.440.000	37 440 000	4.009.727	369 889 727
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên (đến 18/4/2023) /Kế toán trưởng	292.404.000	18 720 000	24.058.360	335 182 360
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	56 160 000	19.812.767	75 972 767
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	56 160 000	19.812.767	75 972 767
Ban kiểm soát					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	299.266.154	-	19.812.767	319 078 921
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên (từ 18/4/2023)	-	29 736 000	-	29 736 000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên (đến 18/4/2023)	-	14 868 000	-	14 868 000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	44 604 000	-	44 604 000
Cộng		1.688.060.539	338.808.000	172.418.250	2 199 286 789

Năm trước**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	76.377.600	-	76.377.600
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	374.400.000	57.283.200	-	431.683.200
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên /Kế toán trưởng	297.360.000	57.283.200	-	354.643.200
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	57.283.200	-	57.283.200
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	57.283.200	-	57.283.200
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	-	328.440.000
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	54.740.000	-	-	54.740.000
Ban kiểm soát					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	-	297.360.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	45.496.080	-	45.496.080
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	45.496.080	-	45.496.080
Cộng		1.352.300.000	396.502.560	-	1.748.802.560

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Hợp tác kinh tế
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
Công ty Cổ phần An Tiến Industry
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con cùng Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty con của Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua hàng hóa	247.182.224	858.247.228
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		
Mua hàng hóa	2.174.150.000	7.861.149.454
An Thành Bicsol Singapore Pte., Ltd		
Mua hàng hóa	-	20.037.804.706
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh		
Mua nguyên vật liệu	4.299.563.653	79.500.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	675.619.056.987	198.924.456.014	874.543.513.001
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	675.619.056.987	198.924.456.014	874.543.513.001
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.430.411.790	13.532.728.471	63.963.140.261
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.989.251.169)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.973.889.092
Doanh thu hoạt động tài chính			2.853.102.965
Chi phí tài chính			(12.272.320.805)
Thu nhập khác			170.208.230
Chi phí khác			(312.108.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.343.330.868)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.069.439.843
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			7.718.869.339
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.636.351.735	4.014.990.138	17.651.341.873
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.592.468.317	20.919.630.715	63.512.099.032
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.524.153.559)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.987.945.473
Doanh thu hoạt động tài chính			4.544.145.083
Chi phí tài chính			(13.984.261.231)
Thu nhập khác			83.802.682
Chi phí khác			(274.328.161)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.095.597.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.261.706.297
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			21.721.286.631
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.474.087.169	4.075.216.035	18.549.303.204
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	209.383.269.126	17.010.769.159	226.394.038.285
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			161.771.212.657
Tổng tài sản			388.165.250.942
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	221.658.592.029	18.590.686.070	240.249.278.099
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			219.233.068.249
Tổng tài sản			459.482.346.348
Nợ phải trả			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.150.400	814.668.947	828.819.347
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			308.466.929.407
Tổng nợ phải trả			309.295.748.754

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn**Lê Xuân Thọ**